

**Phụ lục I**

**KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI TỈNH NINH BÌNH NĂM 2023 - NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

*ĐVT: triệu đồng*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung nhiệm vụ</b>  | <b>Kinh phí<br/>hỗ trợ năm 2023</b> |
|-----------|---|-------------------------------------|
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>31.250</b>                       |
| 1         | Phân bổ thực hiện các nội dung thành phần Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới <i>(Chi tiết tại phụ lục II)</i>   | 3.689                               |
| 2         | Phân bổ thực hiện các chương trình chuyên đề Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới <i>(Chi tiết tại phụ lục III)</i>   | 16.419                              |
| 3         | Phân bổ cho UBND huyện Yên Khánh kinh phí thanh toán xi măng làm đường giao thông nông thôn <i>(theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/4/2012, Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh)</i> | 11.142                              |



**Phụ lục II**  
**KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
**XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH NINH BÌNH NĂM 2023 - NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH**

*DVT: triệu đồng*

| TT | Nội dung thành phần   | Đơn vị thực hiện  | Kinh phí hỗ trợ năm 2023 |
|----|---|---|--------------------------|
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>  |   | <b>3.689</b>             |
| 1  | Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã ở nông thôn   | Liên minh Hợp tác xã tỉnh   | 200                      |
|    |   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) | 200                      |
| 2  | Hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống ( <i>Hỗ trợ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận; chi phí tổ chức công nhận; tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, quảng bá các sản phẩm làng nghề</i> ) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) | 540                      |
|    | <i>Công nhận làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống:</i><br>- Công nhận nghề truyền thống: 05 nghề x 20.000.000 đồng/ Nghề<br>- Công nhận làng nghề: 01 làng nghề x 40.000.000 đồng/làng nghề   |   | 140                      |
|    | <i>Hỗ trợ, quảng bá các sản phẩm của làng nghề</i>  |   | 220                      |
|    | <i>Tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm</i>  |   | 90                       |
|    | <i>Tổ chức công nhận làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống</i>   |   | 90                       |
| 3  | Hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi   | Sở Y tế   | 215                      |
| 4  | Hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân nông thôn, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở  | Sở Tư pháp  | 100                      |
| 5  | Hỗ trợ xây dựng mô hình đảm bảo quốc phòng an ninh các xã vùng ven biển huyện Kim Sơn   | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh                                     | 200                      |
| 6  | Hỗ trợ thực hiện lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu  | Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh                                 | 100                      |

| TT | Nội dung thành phần   | Đơn vị thực hiện  | Kinh phí hỗ trợ năm 2023 |
|----|---|---|--------------------------|
| 7  | Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp | Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh | 1.034                    |
| 8  | Hỗ trợ thực hiện Chương trình truyền thông phục vụ xây dựng nông thôn mới   | Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh | 500                      |
|    |   | Hội Nông dân tỉnh   | 50                       |
|    |   | Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh   | 50                       |
|    |   | Hội Cựu chiến binh tỉnh   | 50                       |
|    |   | Tỉnh Đoàn   | 50                       |
|    |   | Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh                                   | 100                      |
|    |   | Báo Ninh Bình   | 100                      |
| 9  | Hỗ trợ công tác hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới            | Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh | 100                      |
| 10 | Hỗ trợ xây dựng phóng sự tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới  | Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh                                   | 100                      |

**Phụ lục III**

**KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH NINH BÌNH NĂM 2023 - NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH**

*ĐVT: triệu đồng*

| <b>TT</b> | <b>Chương trình chuyên đề</b>   | <b>Đơn vị thực hiện</b>   | <b>Kinh phí hỗ trợ năm 2023</b> |
|-----------|---|---|---------------------------------|
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>  |   | <b>16.419</b>                   |
| <b>I</b>  | <b>Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (OCOP)</b>  |   | <b>7.405</b>                    |
| <b>1</b>  | <b><i>Tư vấn, khảo sát lựa chọn sản phẩm tiềm năng mới để xây dựng Kế hoạch hàng năm; rà soát, đánh giá sản phẩm OCOP theo định kỳ</i></b>  |   | <b>500</b>                      |
|           | Các nội dung, nhiệm vụ thuộc cấp huyện (mức 40 triệu đồng/huyện, thành phố)   | UBND 8 huyện thành phố  | 320                             |
|           | Tư vấn, khảo sát lựa chọn sản phẩm tiềm năng mới; rà soát, đánh giá sản phẩm đã đạt sao OCOP theo quy định  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 180                             |
| <b>2</b>  | <b><i>Hỗ trợ chủ thể có sản phẩm được xếp hạng 3 sao trở lên</i></b>  |   | <b>4.330</b>                    |
| -         | Hỗ trợ các chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn năm 2022 (số sản phẩm vượt kế hoạch năm 2022 chưa được hỗ trợ: 03 sản phẩm 4 sao x 85 triệu đồng/sản phẩm và 02 sản phẩm 3 sao x 75 triệu đồng/sản phẩm) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 405                             |
| -         | Hỗ trợ các chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn 3 sao trở lên năm 2023 (49 sản phẩm: 25 sản phẩm 4 sao x 85 triệu đồng/sản phẩm và 24 sản phẩm 3 sao x 75 triệu đồng/sản phẩm)                           |   | 3.925                           |
| <b>3</b>  | <b><i>Công tác triển khai Chương trình, đánh giá, phân hạng sản phẩm; Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, xúc tiến thương mại, truyền thông về sản phẩm OCOP</i></b>                                   |   | <b>1.525</b>                    |
| 3.1       | Triển khai, đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; Truyền thông Chương trình OCOP  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 1.025                           |
| 3.2       | Xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao và Xúc tiến thương mại) | 500                             |

| TT | Chương trình chuyên đề   | Đơn vị thực hiện   | Kinh phí hỗ trợ năm 2023 |
|----|--|--|--------------------------|
| 4  | <b>Xây dựng và duy trì hệ thống giám sát và quản lý Chương trình OCOP</b>  |  | <b>1.050</b>             |
|    | Chuyển đổi số trong công tác triển khai và quản lý Chương trình OCOP   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn   | 1.050                    |
| II | <b>Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới</b>  |  | <b>5.144</b>             |
| 1  | Hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình sống phân tán, xã khu dân cư trên địa bàn các xã Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long, Văn Phú, Văn Phương, Thạch Bình huyện Nho Quan không tiếp cận được với các hệ thống cấp nước tập trung (theo định mức quy định tại Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh)  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn)               | 3.000                    |
| 2  | Xây dựng mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và khu dân cư áp dụng công nghệ phù hợp, tạo hiệu ứng lan tỏa   |  | 300                      |
| 3  | Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân, cộng đồng. Tập huấn về phương pháp, kỹ năng nhân rộng mô hình   |  | 199                      |
| 4  | Tập huấn, nâng cao năng lực giám sát cộng đồng về an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức về năng lực tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản) | 145                      |
| 5  | Xây dựng mô hình cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp gắn với văn hóa vùng miền; phát triển các tuyến đường hoa, cây xanh bóng mát  | Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh   | 700                      |
| 6  | Hướng dẫn và hỗ trợ (kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học,..) xây dựng mô hình phân loại rác thải tại nguồn quy mô hộ gia đình và cộng đồng dân cư và xử lý rác thải tại nguồn quy mô hộ gia đình và cộng đồng dân cư và xử lý rác thải (phân bón hữu cơ, nhựa tái chế,...) sau khi phân loại theo hướng tái chế và tuần hoàn khép kín; Xây dựng mô hình cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp gắn với văn hóa vùng miền; phát triển các tuyến đường hoa, cây xanh bóng mát | Hội Nông dân tỉnh  | 150                      |
|    |  | Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh  | 150                      |
|    |  | Hội Cựu chiến binh tỉnh  | 150                      |
|    |  | Tỉnh đoàn  | 150                      |
| 7  | Hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn  | Sở Tài nguyên và Môi trường  | 200                      |

| TT         | Chương trình chuyên đề  | Đơn vị thực hiện    | Kinh phí hỗ trợ năm 2023 |
|------------|---|---------------------|--------------------------|
| <b>III</b> | <b>Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025</b>  | <b>Công an tỉnh</b> | <b>1.570</b>             |
| 1          | Chi phí tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật cho người dân nông thôn; tuyên truyền phòng, chống tội phạm đảm bảo ANTT tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu  | Công an tỉnh        | 70                       |
| 2          | Hỗ trợ xây dựng mô hình phong trào toàn dân bảo vệ ANTT nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong đảm bảo ANTT tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao   |                     | 1.200                    |
| 3          | Hỗ trợ xây dựng mô hình phong trào toàn dân bảo vệ ANTT nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong đảm bảo ANTT tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu   |                     | 300                      |
| <b>IV</b>  | <b>Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</b>   |                     | <b>300</b>               |
| 1          | Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý du lịch tại cơ sở; các khóa đào tạo hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ du lịch và định hướng đầu tư, kinh doanh du lịch cộng đồng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư phát triển du lịch tại địa phương, gắn với đào tạo nghề; Nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn mới; Xây dựng các chương trình xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn trong và ngoài Tỉnh; | Sở Du lịch          | 300                      |
| <b>V</b>   | <b>Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025</b>  |                     | <b>2.000</b>             |